

Số: 3126/QĐ-CAT-CSGT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỶ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số 95 thí sinh, trong đó: hạng B: 51 thí sinh, hạng C1: 17 thí sinh, hạng C: 27 thí sinh (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 28/03/2026 tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng (địa chỉ: thôn Khánh Thành, xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Lê Thị Mỹ Lương - Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát giao thông, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Trung tá Biện Lê Quý, Chức vụ: Đội trưởng, Phòng Cảnh sát giao thông, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Ông: Đặng Lê Nhật Nguyên, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng, Ủy viên Hội đồng.

4. Đồng chí Thiếu tá Trần Thanh Tân - Chức vụ: Cán bộ, thư ký.

5. Các sát hạch viên:

- Đồng chí Trung tá Phan Ngọc Tuấn, sát hạch viên;

- Đồng chí Trung tá Trần Hữu Thọ, sát hạch viên;

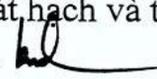
- Đồng chí Trung tá Đồng Thành Trung, sát hạch viên;

- Đồng chí Trung tá Lê Hữu Tuấn, sát hạch viên;

- Đồng chí Đại úy Nguyễn Quang Đạt, sát hạch viên.

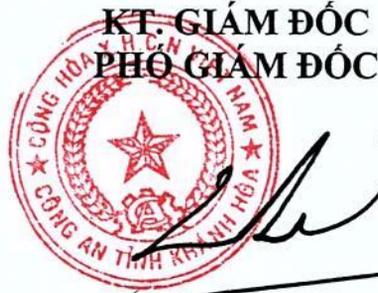
Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CSGT (SHLX).



Đại tá Lê Quang Dũng

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

Mẫu số 06

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3126/QĐ-CAT-CSGT ngày 17/03/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NGUYỄN VĂN THẮNG	26/11/1989	056089000495	Tổ 12 Vĩnh Hội, P. Tây Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp lệ		0738	

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

2815

Mẫu số 06

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ-CAT-CSGT ngày 17/03/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	PHẠM THỊ NGUYỆT ÁNH	01/11/1981	066181009978	Tổ 13 Vĩnh Diễm Thượng Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00579/56004-20251217100425353-B	
2	BẠCH KIM BÁU	29/07/1993	056093007766	Phường Ba Ngòi, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1734	
3	NGUYỄN AN BÌNH	18/07/1993	056093011138	Thôn 4 Xã Diên Điền, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/560136006474	00609/56004-20251117105050253-C1	
4	NGUYỄN LÊ THANH BÌNH	27/08/2003	056203011475	Xã Nam Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1598	
5	TRƯƠNG THỊ MINH CHÂU	08/06/1983	046183013353	31 Chi Lăng Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/G 034317	00571/56004-20251117120437557-B	
6	TRẦN NGỌC CHIẾN	02/04/1998	068098000230	Xã D'Ran, Tỉnh Lâm Đồng	Hợp lệ	A1	Q1181	
7	NGUYỄN VĂN CÔNG	25/03/2001	058201000999	Phường Đông Hải, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1600	
8	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	22/06/1999	056099006484	74 Tân Hải Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00610/56004-20251201075047627-C1	
9	NGUYỄN PHÚC DUY ĐIỀN	10/05/1995	058095001457	Xã Xuân Hải, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1602	
10	LÊ VĂN ĐIỆP	23/06/1990	052090007818	Phú Ninh Xã Kim Sơn, Tỉnh Gia Lai	H LỆ	A1/AQ 048597	00611/56004-20251117105304997-C1	
11	NGUYỄN ĐIỆU	01/08/1978	058078004491	Xã Liên Hương, Tỉnh Lâm Đồng	Hợp lệ	A1	Q1444	
12	NGUYỄN TIẾN ĐỊNH	03/05/2007	056207004296	Vĩnh Xuân Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/560254004291	00612/56004-20251117105830560-C1	
13	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	16/06/2004	056204000647	Hà Thanh 1 Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/560239007402	00613/56004-20251117092305700-C1	
14	NGUYỄN TIẾN DŨNG	09/09/2007	044207008920	Thôn Phước Tân Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00580/56004-20251217100625490-B	
15	TẠ KHƯƠNG DUY	03/10/1989	054089001603	KP Phú Thứ Xã Tây Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	H LỆ	A1/AK 311942	00581/56004-20251217100803697-B	
16	TRẦN DUY	25/02/1989	058089009679	Xã Phước Hậu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1604	
17	ĐỖ TRẦN KHÁNH HÀ	18/12/1989	056089006988	176 Nguyễn Thị Định Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/AE 963726	00561/56004-20251117114352963-B	
18	NGUYỄN HOÀNG HẢI	15/08/1993	056093003900	Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1742	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
19	MAI THỊ THÚY HẰNG	13/02/1990	038190030427	65 Dã Tượng Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/AF 019805	00582/56004-20251217100946690-B	
20	VŨ THỊ HẰNG	17/11/1992	030192006509	12 Võ Thị Sáu Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561255008288	00583/56004-20251217101133087-B	
21	NGUYỄN THỊ HẠNH	27/10/1992	052192004134	Ô 8 Lô 25 Đất Lành Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	Chưa có	00562/56004-20251117113957403-B	
22	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	15/09/1984	056184010144	273 Võ Thị Sáu Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561032007424	00563/56004-20251117115910293-B	
23	PHẠM QUỐC HIỆP	28/05/1982	034082002498	Thôn Vực Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	H Lệ	Chưa có	00522/56004-20251021103052187-B	
24	NGÔ VIỆT HIẾU	30/09/2000	056200013189	94 Hoàng Văn Thụ Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/Mát	00564/56004-20251117112838037-B	
25	NGUYỄN THỊ NHƯ HOÀI	03/02/1996	056196004733	318/2 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561142004939	00565/56004-20251117115008470-B	
26	LÊ THỊ THÙY HƯƠNG	28/09/1989	056189005673	Phước Trung Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561078001846	00584/56004-20251217101431417-B	
27	TRẦN QUỐC HUYNH	05/04/2006	056206007852	Tân Hòa 2 Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/560240007240	00614/56004-20251202092237017-C1	
28	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	26/11/2007	056207010537	107 Trần Nguyên Hãn Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	Chưa có	00585/56004-20251217101649950-B	
29	NGUYỄN VŨ LAM	14/05/1989	056089012118	Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q127262	
30	TRẦN VŨ LÂM	01/07/1987	056087010083	Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q128058	
31	LÊ PHƯƠNG LINH	05/02/1998	056198005787	34/2/54 Nguyễn Thiện Thuật Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561168004627	00586/56004-20251217110013733-B	
32	NGUYỄN THÀNH LỘC	14/06/1992	056092014562	Thôn 3 Xã Hòa Trí, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/560189009154	00615/56004-20251117104642467-C1	
33	ĐỖ HOÀNG BỬU LỘC	10/02/1986	058086004791	Xã Phước Hậu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1610	
34	LÊ THANH MINH	18/04/1995	075095004867	Ấp Xuân Hưng 3 Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai	H Lệ	A1/660195002920	00616/56004-20251117092713083-C1	
35	MAI NGỌC MINH	12/03/1971	079071005312	109/4 Nguyễn Thiện Thuật Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh	H Lệ	A/790146709621	00572/56004-20251117121343107-B	
36	PHẠM LÊ MY	07/09/2005	066305002545	Thôn 6A Xã Ea Kly, Tỉnh Đắk Lắk	H Lệ	A1/561242002714	00566/56004-20251117114730-B	
37	TRẦN THỊ NGÀ	05/07/1993	054193005943	Thôn Triêm Đức Xã Đồng Xuân, Tỉnh Đắk Lắk	H Lệ	Chưa có	00587/56004-20251217101823270-B	
38	TRẦN NỮ UYÊN NHI	17/12/1997	056197008816	Thôn Văn Từ Tây Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561203007688	00528/56004-20251021104850987-B	
39	DƯƠNG THÚY NHƯ	04/10/1999	079199018505	Thôn Phước Tân Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561197000889	00588/56004-20251217101950967-B	
40	NGUYỄN NGỌC Ý NHƯ	20/10/2001	056301000638	Thôn Đồng Trần 1 Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561216003927	00589/56004-20251217102109870-B	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
41	MAI NGUYỄN HOÀNG OANH	15/09/1998	056198006875	98 Đào Duy Anh Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/561173001444	00590/56004-20251217104838970-B	
42	NGUYỄN TUẤN PHONG	15/10/2007	042207010200	16A Lý Nam Đế Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00617/56004-20251117093145083-C1	
43	NGUYỄN THANH PHONG	11/11/1974	019074000487	Thái Thông 1 Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/R 541068	00591/56004-20251217102211180-B	
44	TRỊNH QUỐC PHONG	30/07/1991	054091007548	Số 3 Đường D2 KDC Bắc Vĩnh Hải Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/AK 999883	00592/56004-20251217102423707-B	
45	TRỊNH MINH PHONG	24/01/1999	052099008880	Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1756	
46	PHẠM ANH PHÚC	30/03/1987	058087007172	Xã Ninh Phước, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1618	
47	PHẠM MAI PHƯƠNG	29/09/2004	056304006464	TT Hải Quân, Dã Tượng Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/561247011377	00593/56004-20251217102554227-B	
48	TẠ NGUYỄN PHƯƠNG	15/03/1995	054195001279	KP Phú Thứ Xã Tây Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	H LỆ	Chưa có	00594/56004-20251217102643010-B	
49	LÊ HỒNG QUANG	30/03/1993	001093005007	22 Vân Đồn Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00595/56004-20251217102728427-B	
50	HOÀNG ANH QUÝ	30/10/2007	056207002174	Phước Lộc Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00567/56004-20251117115225117-B	
51	NGUYỄN NGỌC QUYỀN	17/04/2004	056204008809	Tổ 14 Tây Nam Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00618/56004-20251117103408170-C1	
52	HỒ THỊ SƯƠNG	25/08/1993	051193011372	Thôn Phước Điền Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/011159014204	00596/56004-20251217102945093-B	
53	LÊ THỊ THU SƯƠNG	20/10/1995	056195009272	Hòa Do 6A Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00597/56004-20251217103039033-B	
54	NGUYỄN ĐỨC TÀI	23/10/1992	056092014068	Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1764	
55	NGUYỄN VĂN THÂN	05/11/1993	052093003553	Chánh Nhon Xã Xuân An, Tỉnh Gia Lai	H LỆ	A1/AY 002491	00619/56004-20251202091910050-C1	
56	TRẦN QUANG THẮNG	01/09/1995	056095001881	Xã Bắc Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ		Q146	
57	NGUY LAN THẢO	16/02/1982	056182010031	209/11 Nguyễn Thị Minh Khai Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/AB 125206	00573/56004-20251117125335477-B	
58	TRỊNH THỊ PHƯƠNG THẢO	22/02/1997	056197003630	Thôn Tây Nam Xã Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	A1/561164000564	00598/56004-20251217103215370-B	
59	LÊ ĐÌNH THI	17/03/1992	058092001139	Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1769	
60	CAO VĂN THỌ	14/07/1998	056098004330	Liên Hòa Xã Khánh Sơn, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00620/56004-20251117103151003-C1	
61	ĐÌNH THỊ KIM THOÀ	27/10/1988	054188010174	111B Hoàng Diệu Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H LỆ	Chưa có	00599/56004-20251217103323500-B	
62	DƯƠNG PHẠM HOÀI THÔNG	30/09/2002	058202006171	Xã Ninh Phước, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q116246	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
63	NGUYỄN MINH THUẬN	25/01/2003	058203000827	Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ		Q1625	
64	NGUYỄN NGỌC THUẬN	04/05/2003	058203002994	Xã Anh Dũng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ		Q1206	
65	THỊNH THỊ THÚY	13/05/1984	038184041120	CH420 CC An Bình, 3 Trường Sơn Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/2090717	00600/56004-20251217103511813-B	
66	NGUYỄN THỊ THÙY	12/09/1986	001186040495	3/21 Trần Quang Khải Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	Chưa có	00601/56004-20251217103827460-B	
67	PHAN ĐÌNH THÚY	04/09/2000	040200000074	Bản Cẩm Ly Xã Kim Ngân, Tỉnh Quảng Trị	H Lệ	A1/460196006370	00568/56004-20251119081257953-B	
68	TRẦN THỊ NHƯ THÙY	25/12/1996	054196000357	Thôn Tân Yên Xã Ea Ly, Tỉnh Đắk Lắk	H Lệ	Chưa có	00602/56004-20251217103706977-B	
69	NGUYỄN TRƯỜNG TIN	03/09/1996	056096010571	Thôn Tân Khánh Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/560140009393	00603/56004-20251217104030933-B	
70	PHẠM QUỐC TÍNH	17/05/1991	056091015253	Bích Đàm Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	Chưa có	00574/56004-20251117125757810-B	
71	HOÀNG KHÁNH TRÂM	20/08/1991	056191011803	Thôn Phước Tân Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/AK 345672	00575/56004-20251117121120163-B	
72	NGUYỄN NGỌC TRANG	10/04/2003	036303017628	34/8 Nguyễn Thiện Thuật Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/791244074523	00417	
73	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	06/10/1999	044199009592	Thôn Phước Tân Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561195000986	00604/56004-20251217104213427-B	
74	THÁI THỊ TRANG	28/08/1998	040198016536	Xóm Chùa Me Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	H Lệ	Chưa có	00605/56004-20251217104349480-B	
75	NGUYỄN ANH TRÍ	25/01/2000	056200001627	Ô 22 Lô 1123 Hòn Rớt Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/560208007189	00576/56004-20251117120724187-B	
76	TRẦN VĂN TRỌNG	14/03/1997	030097000445	66 Tô Hiệu Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/560254004309	00621/56004-20251117093422750-C1	
77	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	27/06/1999	033099007554	Tổ 6 Hoàng Diệu Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	Chưa có	00578/56004-20250812091321433-B	
78	MAI VIỆT TRƯỜNG	22/10/1998	056098003398	Thôn Tân Xương 1 Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/790174020512	00606/56004-20251217104514603-B	
79	LÊ TUẤN TỬ	23/09/1999	056099000495	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q127069	
80	LÊ VĂN TUẤN	07/05/1997	051097001072	Thị trấn Châu Ổ Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	H Lệ	A1/510209003224	00622/56004-20251201074847997-C1	
81	NGUYỄN VĂN TUẤN	23/08/1990	056090006099	Phước Tân Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/AG 038716	00623/56004-20251117110059143-C1	
82	NGUYỄN MINH TUẤN	24/06/1989	056089000043	811 Chung Cư C12B, NOXH-01, KĐT M Phước Long Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/AD 055271	00569/56004-20251117113458207-B	
83	CHAMALÉA TUẤN	20/11/1990	058090001960	Xã Công Hải, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ		Q1777	
84	TÔN THẮT TÙNG	24/05/1985	056085007158	22A Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/560057006843	00624/56004-20251117110544390-C1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
85	LIU VÂN VIỆT	31/01/1996	024096002724	Phước Điền Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A/240258017322	00625/56004-20251117102818980-C1	
86	NGUYỄN THỊ VINH	17/10/1989	042189020355	Phước Điền Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/421098000516	00577/56004-20251117122234587-B	
87	MAI NGỌC VINH	27/08/2002	038202001173	Thôn Chính Đa Xã Quảng Chính, Tỉnh Thanh Hóa	H Lệ	A1/560227003315	00607/56004-20251218165727687-B	
88	PHAN QUANG VINH	16/11/2003	056203007893	Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1784	
89	LÝ ANH VŨ	02/11/1990	058090003859	Xã Xuân Hải, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A	Q1630	
90	NGUYỄN NGÔ QUANG VŨ	09/03/1992	058092005971	Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ		Q1631	
91	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	18/02/2001	058201006383	Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1477	
92	PHAN THỊ KIM VY	10/01/1980	056180008164	171 Trần Nguyên Hãn Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/Mắt	00570/56004-20251117115347480-B	
93	HUỶNH LÊ THẢO VY	28/06/2000	056300002235	98 Đào Duy Anh Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	H Lệ	A1/561186003868	00608/56004-20251217105022533-B	
94	HUỶNH TRỌNG VỸ	20/08/1979	056079013408	Xã Cà Ná, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp lệ	A1	Q1632	